

**TỜ TRÌNH****Về việc: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 69-2;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Hội đồng quản trị xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2023
<b>I. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>486.499.708.380</b>
1. Tài sản ngắn hạn	417.072.932.755
2. Tài sản dài hạn	69.426.775.625
<b>II. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>486.499.708.380</b>
<b>1. Nợ phải trả</b>	<b>517.589.465.723</b>
a. Nợ ngắn hạn	516.536.980.774
b. Nợ dài hạn	1.052.484.949
<b>2. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>-31.089.757.343</b>
a. Vốn góp của chủ sở hữu	82.982.430.000
b. Thặng dư vốn cổ phần	36.462.273
c. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	23.187.342.459
d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-137.295.992.075
<b>III. KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.235.908.244
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-101.865.112.403
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	735.641.156
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-102.600.753.559

Trên đây là một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm 2023 của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (số liệu chi tiết mời quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tóm tắt Tài chính đã được kiểm toán năm 2023 trong bộ tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 mà chúng tôi đã gửi đến quý vị cổ đông).

Hội đồng quản trị trình báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Vũ Kế Chương**

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TÓM TẮT TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Công ty Cổ phần Lilama 69-2 xin báo cáo tóm tắt tình hình tài chính như sau:

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>SỐ DƯ 31/12/2023</b>	<b>SỐ DƯ 31/12/2022</b>
<b>I.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>417.072.932.755</b>	<b>505.190.900.048</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.108.096.156	3.113.865.893
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	194.543.851.124	253.179.060.596
4.	Hàng tồn kho	221.394.601.681	248.583.179.760
5.	Tài sản ngắn hạn khác	26.383.794	314.793.799
<b>II.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>69.426.775.625</b>	<b>83.022.435.134</b>
1.	Các khoản phải thu dài hạn	2.125.588.341	2.081.595.509
2.	Tài sản cố định	62.729.884.999	70.881.302.932
3.	Bất động sản đầu tư		
4.	Tài sản dở dang dài hạn	0	5.332.657.108
5.	Tài sản dài hạn khác	4.571.302.285	4.726.879.585
<b>III.</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>
<b>IV.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>517.589.465.723</b>	<b>516.702.338.966</b>
1.	Nợ ngắn hạn	516.536.980.774	515.608.054.017
2.	Nợ dài hạn	1.052.484.949	1.094.284.949
<b>V.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>-31.089.757.343</b>	<b>71.510.996.216</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	82.982.430.000	82.982.430.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	36.462.273	36.462.273
3.	Quỹ đầu tư phát triển	19.854.216.596	19.854.216.596
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.333.125.863	3.333.125.863
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-137.295.992.075	-34.695.238.516
<b>VI.</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>



## B. KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	SỐ DƯ 31/12/2023	SỐ DƯ 31/12/2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.235.908.244	119.653.344.080
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.235.908.244	119.653.344.080
4	Giá vốn hàng bán	78.281.776.731	82.962.001.687
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.954.131.513	36.691.342.393
6	Doanh thu hoạt động tài chính	464.838.999	529.446.289
7	Chi phí tài chính	58.362.533.669	31.841.442.328
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.325.556.491	24.859.836.164
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-73.269.119.648	-19.480.489.810
11	Thu nhập khác	1.110.166.408	665.984.689
12	Chi phí khác	29.706.159.163	15.552.868.543
13	Lợi nhuận khác	-28.595.992.755	-14.886.883.854
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-101.865.112.403	-34.367.373.664
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	735.641.156	192.310.342
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-102.600.753.559	-34.559.684.006
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-12.364	-4.165

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Hội đồng quản trị báo cáo và xin ý kiến thông qua Đại hội.  
Xin trân trọng cảm ơn!



**Vũ Kế Chương**

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Số: 51.../HDQT L62-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2023

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua phương án sau: căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã được kiểm toán, lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: -137.295.992.075 đồng.

Do năm 2023 bị lỗ nên không phân phối lợi nhuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Vũ Kế Chương**

Hải phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-2.

**I. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán**

- Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý.

**II. Đề xuất**

Căn cứ các tiêu thức lựa chọn trên.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thương thảo và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính cho năm tài chính 2024 của Công ty cổ phần Lilama 69-2.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
LILAMA 69-2  
H. HỒNG BÀNG TP. HẢI PHÒNG  
Vũ Kế Chương

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Quyết toán chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS, cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024**

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần LILAMA 69-2**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần LILAMA 69-2 năm 2024 thông qua Quyết toán chi trả tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và cán bộ quản lý, điều hành năm 2023 và phương án chi trả cho năm 2024 như sau:

**I. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý, điều hành năm 2023**

Tổng số tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2023 là: 1.581.666.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương HĐQT, BKS:

TT	Nội dung	Số lượng người	Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023
			Tính cho 1 năm	
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		<b>408.000.000</b>	<b>343.490.000</b>
1	Lương Chủ tịch HĐQT	1	300.000.000	313.490.000
1	Thù lao thành viên HĐQT	4	96.000.000	24.000.000
2	Phụ cấp Thư ký HĐQT	1	12.000.000	6.000.000
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>144.000.000</b>	<b>164.355.400</b>
1	Lương của Trưởng Ban kiểm soát	1	120.000.000	152.355.400
2	Thù lao Thành viên BKS	2	24.000.000	12.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>552.000.000</b>	<b>507.845.400</b>

(Thù lao thành viên HĐQT và thành viên BKS, Thư ký HĐQT thực trả 6 tháng cuối năm 2023)



- Tiền lương của Ban điều hành (Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) là: **1.073.820.600** đồng.

**II. Phương án chi trả tiền lương và thù lao năm 2024:**

- Phương án tiền lương của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác gắn với kết quả sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị dự kiến mức tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2024. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số lượng người	Kế hoạch 2024	
			Tính cho 1 năm	Thành tiền
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			<b>408.000.000</b>
1	Lương chủ tịch HĐQT	1	300.000.000	300.000.000
2	Thù lao thành viên HĐQT	4	24.000.000	96.000.000
3	Phụ cấp Thư ký HĐQT	1	12.000.000	12.000.000
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			<b>144.000.000</b>
1	Lương Trưởng Ban kiểm soát	1	120.000.000	120.000.000
2	Thù lao thành viên Ban kiểm soát	2	12.000.000	24.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>552.000.000</b>

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.*

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Vũ Kế Chương**

Hải phòng, ngày 15. tháng 06 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS)  
nhiệm kỳ IV (2019-2024)**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2;

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty thì nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm, đến nay nhiệm kỳ thứ IV (2019 – 2024) của HĐQT, BKS Công ty đã hết.

Do đó trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2019 – 2024) Công ty Cổ phần Lilama 69-2 để tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ V (2024 – 2029).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Kế Chương**



## TỜ TRÌNH

Về việc: Hợp tác mua và xử lý khoản nợ ngân hàng với DATC

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2;

Căn cứ tờ trình số: 35/HĐQT L62-2023 ngày 30/6/2023 về việc Tái cấu trúc công ty trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ vào nội dung đã làm việc với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC).

Hội đồng quản trị trình Đại hội một số nội dung tái cấu trúc như sau:

### **I- Các khoản nợ phải trả tại các ngân hàng:**

#### **1. Khoản nợ tại SHB Hải Phòng:**

Giá trị khoản nợ đến 31/12/2023 (Theo Thông báo số 04/CV-SHB.HP ngày 08/01/2024 của SHB Hải Phòng).

- Nợ gốc : 226.835.104.270 đồng
- Lãi quá hạn : 69.457.206.099 đồng
- Phạt chậm trả lãi : 501.861.860 đồng
- Tổng cộng : 296.794.172.229 đồng

#### **2. Khoản nợ tại HDBank Hải Phòng:**

Giá trị khoản nợ đến 31/12/2023 (Theo Thông báo ngày 08/01/2024 của PGD Hải Đăng - HDBank Hải Phòng).

- Nợ gốc : 7.857.909.026 đồng
- Lãi trong hạn : 64.350.916 đồng



- Lãi quá hạn : 1.240.792.998 đồng
- Tổng dư nợ : 9.163.052.940 đồng

### 3. Khoản nợ tại MB Hải Phòng

Giá trị khoản nợ đến 31/12/2023 (Theo Thông báo ngày 17/01/2024 của PGD Hải An – MB Hải Phòng) là:

- Nợ gốc : 28.817.018.241 đồng
- Lãi trong hạn : 2.347.977.602 đồng
- Lãi quá hạn : 3.160.199.634 đồng
- Phạt lãi chậm trả : 227.570.848 đồng
- Tổng cộng : 34.552.766.325 đồng

(Kèm theo danh sách tài sản bảo đảm cho khoản nợ tại các ngân hàng)

### II- Điều kiện để DATC đàm phán và mua nợ:

L62 đặt cọc 10 tỷ đồng và toàn bộ cổ phiếu của nhóm cổ đông sở hữu: 5.539.691 Cổ phiếu (chiếm 66,75% vốn điều lệ).

### III- Giá DATC mua nợ từ ngân hàng:

Bên DATC sẽ đàm phán mua nợ từ ngân hàng, tùy vào kết quả thương thảo cụ thể DATC sẽ mua với giá từ 70-100% nợ gốc.

### IV- Kế hoạch trả nợ cho DATC:

4.1 Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày DATC kế thừa quyền chủ nợ.

4.2 Số tiền trả nợ: Số tiền L62 phải trả cho DATC gồm:

- Số tiền DATC bỏ ra mua nợ thực tế.
- Chi phí quản lý của DATC: được tính bằng 5% trên số tiền DATC bỏ ra mua nợ thực tế.
- Lãi phát sinh trên số tiền DATC bỏ ra mua nợ.
- Lãi quá hạn (lãi phạt) đối với số tiền tính lãi (trong phạm vi giá trị khoản nợ tính lãi) quá hạn tương ứng thời gian chậm trả với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (nếu có).

4.3 Nguồn trả nợ:

4.3.1 Nguồn trả nợ từ việc xử lý bán tài sản đảm bảo nợ:

+ Trụ sở công ty tại địa chỉ số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

5554  
G TY  
HÂN  
1A 69  
- TP.H

lhm

+ Xưởng chế tạo tại địa chỉ: 319, Km 9, đường 5 (cũ), P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

4.3.2 Nguồn trả nợ từ SXKD và các nguồn khác: chia làm 3 đợt (12 tháng/1 đợt): đợt 1 tối thiểu 20 tỷ; Đợt 2 tối thiểu 30 tỷ; Đợt 3 tối thiểu 40 tỷ.

4.3.3 Nguồn trả nợ từ việc xử lý Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện có địa chỉ tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng.

+ Trong thời gian 36 tháng L62 có phương án dịch chuyển, cơ cấu lại Nhà máy để tạo nguồn trả nợ DATC thì hai bên phối hợp triển khai và điều chỉnh kế hoạch trả nợ đảm bảo thu đủ số nợ phải trả của L62 cho DATC theo cam kết.

+ Trong trường hợp quá 36 tháng kể từ ngày DATC nhận chuyển giao và kế thừa quyền chủ nợ từ các Ngân hàng; L62 không trả nợ đủ cho DATC thì DATC thực hiện bán đấu giá tài sản này để thu hồi nợ (giá khởi điểm để bán đấu giá do DATC quyết định).

\* Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm bổ sung được thực hiện trả nợ theo thứ tự: Nợ gốc; Nợ lãi; Nợ lãi quá hạn (nếu có); Phí quản lý; Nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

#### **V- Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ:**

Sau khi L62 hoàn thành việc trả nợ cho DATC theo đúng cam kết, lộ trình trả nợ trong thời hạn 36 tháng, DATC xem xét thực hiện giảm trừ số dư nợ còn lại bao gồm: một phần nợ gốc (nếu có), toàn bộ nợ lãi và nợ lãi phạt quá hạn (căn cứ theo số liệu công nợ đối chiếu giữa hai bên).

#### **VI. Giải chấp tài sản bảo đảm:**

- DATC giải chấp toàn bộ tài sản bảo đảm còn lại cho L62 sau khi L62 hoàn thành việc trả nợ cho DATC theo quy định tại phần IV- Kế hoạch trả nợ.

- Căn cứ vào thực tế tiến độ trả nợ của L62, DATC sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải chấp một phần tài sản bảo đảm tương ứng trên cơ sở đề nghị của L62 để L62 có điều kiện huy động vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

*thư* **TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**LILAMA 69-1**  
**HÔNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG**  
**Vũ Kế Chương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu: .....cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: .....cổ phần

**Tổng số lượng cổ phần đại diện: .....cổ phần**

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tán thành</b>	<b>Không tán thành</b>	<b>Không có ý kiến</b>
<b>Nội dung 01:</b> Báo cáo hoạt động của HĐQT về nhiệm kỳ IV (2019-2024); hoạt động năm 2023 và Kế hoạch năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 02:</b> Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 03:</b> Báo cáo hoạt động của BKS về hoạt động nhiệm kỳ IV (2019-2024); năm 2023 và Kế hoạch năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 04:</b> Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 05:</b> Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 06:</b> Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 07:</b> Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 08:</b> Miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2019 – 2024)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 09:</b> Nội dung hợp tác mua và xử lý các khoản nợ ngân hàng với DATC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2024

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Hướng dẫn:**

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Số: ...../NQ-ĐHĐCĐ L62- 2024

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2024

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-2.
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lilama 69-2 ngày 15/06/2024.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (kèm theo).

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (kèm theo).

**Điều 3:** Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch cho năm 2024 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch 2024
Doanh thu	đồng	80.235.908.244	70.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	đồng	-101.865.112.403	0
Đầu tư xây dựng cơ bản	đồng	0	0
Cổ tức	%	0%	0%

**Điều 4:** Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 với một số chỉ tiêu chính sau:

**A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH**

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
I	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>
1	Tài sản ngắn hạn	417.072.932.755	505.190.900.048

2	Tài sản dài hạn	69.426.775.625	83.022.435.134
<b>II.</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>517.589.465.723</b>	<b>516.702.338.966</b>
	Nợ ngắn hạn	516.536.980.774	515.608.054.017
	Nợ dài hạn	1.052.484.949	1.094.284.949
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>-31.089.757.343</b>	<b>71.510.996.216</b>
	Vốn góp của chủ sở hữu	82.982.430.000	82.982.430.000
	Thặng dư vốn cổ phần	36.462.273	36.462.273
	Quỹ đầu tư phát triển	19.854.216.596	19.854.216.596
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.333.125.863	3.333.125.863
	Lỗi lũy kế	-137.295.992.075	-34.695.238.516

## B. KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.235.908.244	119.653.344.080
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.235.908.244	119.653.344.080
4	Giá vốn hàng bán	78.281.776.731	82.962.001.687
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.954.131.513	36.691.342.393
6	Doanh thu hoạt động tài chính	464.838.999	529.446.289
7	Chi phí tài chính	58.362.533.669	31.841.442.328
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.325.556.491	24.859.836.164
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-73.269.119.648	-19.480.489.810
11	Thu nhập khác	1.110.166.408	665.984.689
12	Chi phí khác	29.706.159.163	15.552.868.543
13	Lợi nhuận khác	-28.595.992.755	-14.886.883.854
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-101.865.112.403	-34.367.373.664
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	735.641.156	192.310.342
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-102.600.753.559	-34.559.684.006
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-12.364	-4.165

**Điều 5:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán: lũy kế Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: -137.295.992.075 đồng.

- Do lợi nhuận sau thuế năm 2023 bị âm (lỗ) nên không phân phối lợi nhuận.

**Điều 6:** Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (theo nội dung tờ trình số 52/HĐQT L62-2024).

**Điều 7:** Thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024 như sau:

**7.1 Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS, cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2023 là: 1.581.666.000 đồng. Trong đó:**

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là : 507.845.400 đồng.

- Tổng quỹ tiền lương Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác là : 1.073.820.600 đồng.

**7.2 Kế hoạch tiền lương, thù lao cho năm 2024:**

- Tiền lương của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh.

- Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024:

TT	Nội dung	Số lượng người	Kế hoạch 2024	
			Tính cho 1 năm	Thành tiền
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			<b>408.000.000</b>
1	Lương Chủ tịch HĐQT	1	300.000.000	300.000.000
2	Thù lao thành viên HĐQT	4	24.000.000	96.000.000
3	Phụ cấp Thư ký HĐQT	1	12.000.000	12.000.000
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			<b>144.000.000</b>
1	Lương của Trưởng Ban kiểm soát	1	120.000.000	120.000.000
2	Thù lao Thành viên BKS	2	12.000.000	24.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>552.000.000</b>

**Điều 8:** Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2019-2024) theo tờ trình số: 54/HĐQT-L62-2024.

**Điều 9:** Thông qua nội dung Hợp tác mua và xử lý các khoản nợ ngân hàng với DATC (theo nội dung tờ trình số: 55/HĐQT L62-2024).

**Điều 10:** Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029:

1. Thành viên HĐQT:

- Ông/Bà:
- Ông:
- Ông:
- Ông:
- Ông:

Hội đồng quản trị họp phiên thứ nhất bầu: ông ..... giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

2. Thành viên Ban kiểm soát:

- Ông/Bà:
- Ông:
- Ông:

Ban kiểm soát họp phiên thứ nhất bầu:.....giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

**Điều 11: Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lilama 69-2 biểu quyết thông qua toàn văn tại đại hội ngày 15/06/2024.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 69-2 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-2.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông L62
- UBCKNN
- BKS
- Ban TGD:
- Lưu: HĐQT

**Vũ Kế Chương**